

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiếu

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hảo –Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu p, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1981(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu p, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 19/8/2024 nguyên đơn anh Phạm Thanh P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M thành hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi thành hôn anh và chị M chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Anh P xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M có 02 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/8/2003 và Phạm Gia B, sinh ngày 28/6/2005 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thanh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Phạm Thanh P vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Thanh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia đầy đủ các phiên tòa, phiên họp là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 09, 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Thanh Phong và chị Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng.

Về con chung: Anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M có 02 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/8/2003 và Phạm Gia B, sinh ngày 28/6/2005 hiện đã trưởng thành nên không đề cập xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Phạm Thanh P vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M đã được

triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M sống chung như vợ chồng từ năm 2001. Anh Phạm Thanh P xác định anh và chị Tuyết M sống chung không có đăng ký kết hôn. Tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Hựu Thành và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 19/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nhơn xác nhận anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M không có đăng ký kết hôn. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Phạm Thanh P xác định anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M xác định có 02 con chung tên Phạm Gia Hân, sinh ngày 27/8/2003 và Phạm Gia B, sinh ngày 28/6/2005 hiện đã trưởng thành nên không đề cập xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Phạm Thanh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Thanh P yêu cầu giải quyết về hôn nhân và gia đình nên anh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Phạm Thanh P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011755 ngày 26/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh Phong đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thu Nga